

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH GIA LAI
KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 TRƯỜNG THPT CHUYÊN HÙNG VƯƠNG
NĂM HỌC 2025 - 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GHI ĐIỂM THI MÔN ĐỊA LÍ

PHÒNG 16

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9		Nguyễn vọng 1		Nguyễn vọng 2		ĐIỂM	Ghi chú/Giải tỉnh
								HT	RL	HT	RL	HT	RL	HT	RL	Môn	Điểm TB	Môn	Điểm TB		
1	A D 0001	Đinh Thanh Thùy An	11/05/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.7	Địa lí	9.3	6.500	
2	A D 0010	Nguyễn Ngọc Bình An	02/05/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Lê Văn Tám, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.3	Địa lí	8.4	4.250	
3	V D 0028	Hoàng Nhật Anh	19/01/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	T	T	K	T	K	T	K	T	Ngữ văn	8.8	Địa lí	9.0	1.250	
4	D V 0031	Lê Minh Anh	19/09/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Địa lí	8.4	Ngữ văn	8.0	2.750	
5	D K 0032	Lê Nguyễn Ngọc Anh	18/06/2010	Nữ	Kinh	Kon Tum	Nguyễn Du, Pleiku	K	T	K	T	K	T	K	T	Địa lí	8.6			4.250	
6	D K 0040	Nguyễn Huy Nhật Anh	22/10/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	K	T	Địa lí	8.8			5.250	
7	D V 0046	Nguyễn Quỳnh Anh	07/03/2010	Nữ	Kinh	Vĩnh Phúc	Chu Văn An, IaGrai	K	T	T	T	T	T	T	T	Địa lí	8.6	Ngữ văn	8.7	1.500	
8	D C 0052	Phạm Thị Lan Anh	19/01/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Võ Thị Sáu, Đắk Doa	T	T	T	T	T	T	T	T	Địa lí	8.5	Tin học	9.1	5.000	
9	V D 0054	Phan Nguyễn Ngọc Anh	11/02/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	T	T	K	T	T	T	T	T	Ngữ văn	8.4	Địa lí	9.1	0.750	
10	A D 0067	Trịnh Nguyễn Quỳnh Anh	01/08/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	8.7	Địa lí	8.5	4.000	
11	A D 0068	Trịnh Tuyết Anh	16/08/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.4	Địa lí	8.4	4.250	
12	A D 0070	Võ Ngọc Diệu Anh	11/01/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.6	Địa lí	9.7	5.500	
13	V D 0073	Vũ Quỳnh Anh	15/05/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.4	Địa lí	9.1	1.750	
14	A D 0085	Phạm Hoàng Bách	26/06/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.1	Địa lí	9.2	2.250	
15	D K 0087	Đào Nguyễn Bảo	17/11/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Quang Trung, KôngChro	T	T	T	T	T	T	T	T	Địa lí	9.0			5.000	
16	C D 0093	Nguyễn Võ Gia Bảo	14/04/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	K	T	K	T	T	T	Tin học	7.8	Địa lí	8.8	0.500	
17	A D 0101	Đỗ Đăng Việt Bắc	11/06/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Hùng Vương, IaGrai	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.7	Địa lí	9.4	2.250	
18	A D 0104	Lê Văn Bình	25/09/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Linh, Đắk Doa	K	T	K	T	K	T	K	T	Tiếng Anh	8.5	Địa lí	8.5	3.000	
19	A D 0114	Lê Ngọc Trân Châu	13/03/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Bùi Thị Xuân, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.8	Địa lí	9.7	4.500	
20	A D 0127	Nguyễn Đặng Diệp Chi	03/04/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.6	Địa lí	9.4	3.500	
21	A D 0129	Nguyễn Trần Yến Chi	16/06/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Quang Trung, Kông Chro	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	8.6	Địa lí	9.1	5.000	
22	V D 0130	Nguyễn Võ Linh Chi	09/09/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	8.8	Địa lí	7.5	2.000	
23	D K 0140	Trần Văn Cường	15/04/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	K	T	K	T	K	T	Địa lí	7.4			1.500	
24	D K 0141	Vũ Đức Cường	24/02/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Địa lí	9.1			5.500	

(Danh sách này gồm 24 thí sinh đăng ký dự thi)

Người đọc điểm:

Người nhập điểm:

Người soát điểm thứ nhất:

Người soát điểm thứ hai:

Nguyễn Thị Thanh Hương
Nguyễn Thị Thanh Hương
Nguyễn Ngọc Linh
Nguyễn Ngọc Linh

Gia Lai, ngày 13 tháng 6 năm 2025

KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Thị Thi Giang

Phạm Thị Thi Giang

Gia Lai, ngày 13 tháng 6 năm 2025

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Long

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH GIA LAI
KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 TRƯỜNG THPT CHUYÊN HÙNG VƯƠNG
NĂM HỌC 2025 - 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GHI ĐIỂM THI MÔN ĐỊA LÍ

PHÒNG 17

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9		Nguyễn vọng 1		Nguyễn vọng 2		ĐIỂM	Ghi chú/Giải tỉnh
								HT	RL	HT	RL	HT	RL	HT	RL	Môn	Điểm TB	Môn	Điểm TB		
1	D C 0161	Hoàng Nguyễn Thái Dương	02/04/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	K	T	T	T	K	T	K	T	Địa lí	8.5	Tin học	8.8	1.750	
2	S D 0186	Trần Khánh Đạt	19/10/2010	Nam	Kinh	Kon Tum	Nghĩa Hưng, Chư Păh	T	T	T	T	T	T	T	T	Sinh học	8.6	Địa lí	9.3	3.750	
3	D C 0187	Trần Nhật Thành Đạt	03/08/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Địa lí	8.5	Tin học	8.7	0.000	
4	V D 0190	Huỳnh Minh Đăng	11/10/2010	Nam	Kinh	Bình Định	Trưng Vương, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.0	Địa lí	9.5	5.000	
5	D K 0201	Bùi Trung Đức	14/10/2010	Nam	Kinh	Bình Định	Nguyễn Huệ, Pleiku	K	T	T	T	T	T	K	T	Địa lí	8.4			1.500	
6	V D 0215	Lê Hương Giang	01/01/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	8.7	Địa lí	9.4	5.000	
7	V D 0227	Nguyễn Khánh Hà	28/01/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	8.2	Địa lí	9.0	3.750	
8	C D 0229	Nguyễn Ngọc Hà	20/10/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tin học	9.0	Địa lí	9.1	4.500	
9	A D 0231	Nguyễn Thị Khánh Hà	28/08/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Linh, Đăk Đoa	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.3	Địa lí	9.1	5.500	
10	V D 0238	Đào Thị Thanh Hải	17/11/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Bùi Thị Xuân, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.4	Địa lí	9.4	5.000	
11	A D 0256	Lê Gia Hân	19/10/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.2	Địa lí	9.3	5.250	
12	V D 0261	Nguyễn Khánh Hân	02/10/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phan Bội Châu, Ipa	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	8.5	Địa lí	9.2	1.000	
13	A D 0263	Nguyễn Ngọc Bảo Hân	16/11/2010	Nữ	Kinh	Bình Định	Nguyễn Bình Khiêm, Kbang	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.5	Địa lí	9.7	1.000	
14	D K 0265	Nguyễn Thị Khánh Hân	10/08/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Trãi, Chư Pưh	K	T	K	T	K	T	T	T	Địa lí	9.4			5.250	Nhi Địa lí
15	D V 0276	Phạm Dương Thảo Hiền	18/04/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trưng Vương, Pleiku	T	T	K	T	T	T	T	T	Địa lí	8.3	Ngữ văn	8.6	4.250	
16	C D 0281	Đặng Xuân Hiếu	07/01/2010	Nữ	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	Anh Hùng Vũ, Đăk Đoa	T	T	T	T	T	T	T	T	Tin học	9.9	Địa lí	9.6	5.000	
17	V D 0287	Nguyễn Trần Phương Hoa	29/01/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	T	T	K	T	K	T	T	T	Ngữ văn	8.0	Địa lí	9.0	1.000	
18	C D 0290	Lê Đức Trọng Hoàn	09/06/2010	Nam	Kinh	Bình Định	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tin học	9.2	Địa lí	8.4	2.750	
19	V D 0295	Nguyễn Kim Hoàng	17/11/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trưng Vương, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.1	Địa lí	9.0	0.250	
20	A D 0318	Hà Nguyễn Minh Huy	23/08/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.8	Địa lí	9.9	6.000	KK Tiếng Anh
21	D K 0323	Nguyễn Nhật Huy	03/05/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ, Pleiku	T	T	T	T	K	T	T	T	Địa lí	8.2			2.500	
22	D V 0356	Nguyễn Đình Gia Khang	05/11/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Địa lí	9.2	Ngữ văn	7.8	4.000	
23	A D 0366	Trần Xuân Gia Khang	04/05/2010	Nam	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	Trưng Vương, Pleiku	K	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	8.5	Địa lí	8.6	2.500	
24	A D 0373	Hoàng Bảo Khánh	08/02/2010	Nữ	Mường	Ninh Bình	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.8	Địa lí	9.2	5.000	

(Danh sách này gồm 24 thí sinh đăng ký dự thi)

Người đọc điểm:

Người nhập điểm:

Người soát điểm thứ nhất:

Người soát điểm thứ hai:

Nguyễn Thị Thanh Huyền
Nguyễn Thị Ngọc Lan
Đinh Thị Khánh Hoàn

Gia Lai, ngày 13 tháng 6 năm 2025

KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Thị Thi Giang

Phạm Thị Thi Giang

Gia Lai, ngày 13 tháng 6 năm 2025

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Long

Nguyễn Văn Long



SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH GIA LAI
KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 TRƯỜNG THPT CHUYÊN HÙNG VƯƠNG
NĂM HỌC 2025 - 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GHI ĐIỂM THI MÔN ĐỊA LÍ

PHÒNG 18

STT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9		Nguyễn vọng 1		Nguyễn vọng 2		ĐIỂM	Ghi chú/Giải tỉnh
									HT	RL	HT	RL	HT	RL	HT	RL	Môn	Điểm TB	Môn	Điểm TB		
1	D V 0380	Phạm Trường	Khánh	01/10/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Địa lí	9.2	Ngữ văn	8.8	4.000	
2	D K 0381	Nguyễn Đình	Khê	10/01/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Đình Chiêu, Chưprông	T	T	T	T	T	T	T	T	Địa lí	8.9			6.750	Ba Địa lí
3	D C 0382	Phạm Gia	Khiêm	11/01/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	K	T	K	T	T	T	T	T	Địa lí	8.9	Tin học	8.6	5.000	
4	A D 0390	Võ Đăng	Khôi	08/02/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	8.5	Địa lí	9.0	5.000	
5	A D 0414	Phan Thị Ý	Lan	05/06/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.0	Địa lí	9.5	3.000	
6	V D 0417	Biện Huỳnh Gia	Lệ	12/02/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.3	Địa lí	9.5	1.750	
7	V D 0419	Đặng Ngọc Thùy	Linh	31/08/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	K	T	T	T	K	T	Ngữ văn	7.2	Địa lí	7.9	3.250	
8	C D 0426	Huỳnh Ngọc	Linh	07/10/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng, Pleiku	K	T	K	T	K	T	K	T	Tin học	8.0	Địa lí	6.8	1.500	
9	V D 0430	Mai Trúc	Linh	30/12/2009	Nữ	Jrai	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	T	T	T	T	K	T	K	T	Ngữ văn	8.7	Địa lí	9.8	1.000	
10	D A 0434	Nguyễn Khánh	Linh	11/07/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ, Pleiku	T	T	K	T	K	T	K	T	Địa lí	8.8	Tiếng Anh	6.8	1.750	
11	D V 0438	Nguyễn Trần Khánh	Linh	01/02/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Địa lí	8.8	Ngữ văn	8.2	4.000	
12	S D 0447	Vũ Hoàng	Linh	17/04/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	K	T	K	T	K	T	K	T	Sinh học	8.1	Địa lí	7.3	1.750	
13	D C 0448	Huỳnh Thị Thanh	Loan	03/08/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	K	T	T	T	Địa lí	8.9	Tin học	9.4	5.000	
14	C D 0477	Nguyễn Đức	Mạnh	19/01/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tin học	9.0	Địa lí	9.4	5.250	
15	A D 0484	Lê Văn	Minh	25/09/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Linh, Đắk Đoa	K	T	K	T	K	T	T	T	Tiếng Anh	9.1	Địa lí	8.3	5.000	
16	D K 0489	Phạm Nhật	Minh	06/04/2010	Nam	Kinh	Bình Định	Tôn Đức Thắng, Pleiku	K	T	T	T	T	T	K	T	Địa lí	8.2			3.750	
17	V D 0493	Trần Khải	Minh	05/03/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.1	Địa lí	9.5	4.250	
18	V D 0499	Bùi Phan Hoàng	My	08/08/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng, Pleiku	T	T	T	T	K	T	K	T	Ngữ văn	8.4	Địa lí	8.6	3.500	
19	C D 0501	Hán Thị Hà	My	17/06/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tin học	9.1	Địa lí	9.5	5.250	KK Địa lí
20	V D 0513	Trần Võ Trà	My	30/01/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Viết Xuân, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	8.7	Địa lí	9.4	Vắng	
21	S D 0515	Vũ Bảo Trà	My	29/01/2010	Nữ	Kinh	Kon Tum	Võ Thị Sáu, Đắk Đoa	T	T	K	T	K	T	K	T	Sinh học	7.8	Địa lí	7.7	1.250	
22	D V 0516	Vũ Quỳnh	My	05/03/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	T	T	K	T	K	T	T	T	Địa lí	8.8	Ngữ văn	8.2	4.500	
23	D K 0518	Lê Xê Lê	Na	25/08/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	K	T	K	T	Địa lí	9.2			4.500	
24	V D 0537	Phan Trần Thu	Ngân	31/01/2010	Nữ	Kinh	Bình Định	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.0	Địa lí	8.5	3.500	

(Danh sách này gồm 24 thí sinh đăng kí dự thi)

Người đọc điểm:

Người nhập điểm:

Người soát điểm thứ nhất:

Người soát điểm thứ hai:

Ths Nguyễn Thị Thanh Huệ
Ths Nguyễn Ngọc Tâm
Ths Đinh Thị Cẩm Ngọc Hoàng

Gia Lai, ngày 13 tháng 6 năm 2025

KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI

PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Thị Thi Giang

Phạm Thị Thi Giang

Gia Lai, ngày 13 tháng 6 năm 2025

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Long

Nguyễn Văn Long

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH GIA LAI
KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 TRƯỜNG THPT CHUYÊN HÙNG VƯƠNG
NĂM HỌC 2025 - 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GHI ĐIỂM THI MÔN ĐỊA LÍ

PHÒNG 19

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9		Nguyên vọng 1		Nguyên vọng 2		ĐIỂM	Ghi chú/Giải tỉnh
								HT	RL	HT	RL	HT	RL	HT	RL	Môn	Điểm TB	Môn	Điểm TB		
1	D K 0556	Nguyễn Như Khanh Ngọc	07/09/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	K	T	T	T	T	T	K	T	Địa lí	8.4			4.500	
2	C D 0575	Lê Thảo Nguyên	18/07/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tin học	9.2	Địa lí	9.0	5.750	
3	D K 0591	Lê Thị Hoàng Nhân	29/09/2010	Nữ	Thái	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	T	T	K	T	K	T	T	T	Địa lí	8.4			3.500	
4	D C 0597	Nguyễn Thiện Nhân	06/07/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Bùi Thị Xuân, Pleiku	T	T	K	T	T	T	T	T	Địa lí	8.8	Tin học	7.8	5.250	
5	S D 0598	Nguyễn Tiến Nhân	07/10/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Võ Thị Sáu, Đắk Đoa	K	T	T	T	K	T	K	T	Sinh học	9.1	Địa lí	8.4	4.000	
6	D K 0612	Lâm Uyên Nhi	07/10/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	K	T	T	T	Địa lí	8.5			4.500	
7	D K 0636	Hồ Quỳnh Như	12/06/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ, Pleiku	T	T	K	T	T	T	T	T	Địa lí	8.2			4.500	
8	A D 0640	Nguyễn Đặng Quỳnh Như	04/08/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.2	Địa lí	9.6	5.250	
9	V D 0642	Nguyễn Lâm Quỳnh Như	22/09/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	K	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	7.8	Địa lí	8.9	5.500	
10	V D 0652	Võ Quỳnh Như	04/05/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Bùi Thị Xuân, Pleiku	T	T	T	K	T	T	K	T	Ngữ văn	8.1	Địa lí	8.8	1.750	
11	D K 0662	Nguyễn Tấn Phát	06/01/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nghĩa Hưng, Chư Păh	K	T	K	T	T	T	K	T	Địa lí	9.1			4.000	
12	D K 0688	Phan Ngọc Nhã Phương	01/03/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Địa lí	9.8			4.500	KK Địa lí
13	D A 0689	Trần Hà Yến Phương	14/01/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	K	T	K	K	T	T	T	T	Địa lí	8.4	Tiếng Anh	7.2	4.000	
14	D V 0691	Vũ Lê Hoàng Phương	13/01/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Địa lí	9.6	Ngữ văn	8.5	4.750	
15	C D 0700	Trịnh Nhật Quang	20/04/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tin học	8.8	Địa lí	8.6	2.000	
16	A D 0704	Cao Bảo Quyên	30/08/2010	Nữ	Kinh	Đắk Lắk	Nguyễn Huệ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.4	Địa lí	8.9	Vắng	
17	V D 0708	Mai Hoàng Ái Quyên	24/01/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	K	T	T	T	T	T	Ngữ văn	7.3	Địa lí	8.9	1.250	
18	D V 0713	Nguyễn Như Quỳnh	30/08/2010	Nữ	Kinh	Bình Định	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Địa lí	8.7	Ngữ văn	8.7	2.750	
19	C D 0726	Trương Đức Tài	30/12/2010	Nam	Kinh	Kon Tum	Trần Phú, Pleiku	T	T	K	T	K	T	T	T	Tin học	8.4	Địa lí	9.4	3.500	KK Địa lí
20	V D 0743	Trần Thị Ngọc Thanh	10/03/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.0	Địa lí	9.7	5.500	Ba Địa lí
21	D C 0761	Nguyễn Võ Trường Thọ	07/02/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Viết Xuân, Pleiku	K	T	T	T	T	T	T	T	Địa lí	9.0	Tin học	8.4	5.000	
22	C D 0766	Hà Ngọc Anh Thư	02/09/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	K	T	K	T	K	T	K	T	Tin học	8.0	Địa lí	7.6	2.500	
23	D K 0769	Nguyễn Đặng Anh Thư	31/05/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	K	T	K	T	K	T	Địa lí	8.7			4.750	
24	V D 0776	Võ Ngọc Minh Thư	10/12/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	8.8	Địa lí	9.4	5.000	

(Danh sách này gồm 24 thí sinh đăng ký dự thi)

Người đọc điểm:

Người nhập điểm:

Người soát điểm thứ nhất:

Người soát điểm thứ hai:

Thị Nguyễn Thị Thanh Hiền
Thị Nguyễn Thị Thanh Hiền
Thị Nguyễn Thị Thanh Hiền
Thị Nguyễn Thị Thanh Hiền

Gia Lai, ngày 13 tháng 6 năm 2025

KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Thị Thi Giang

Gia Lai, ngày 13 tháng 6 năm 2025

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Long

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH GIA LAI
KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 TRƯỜNG THPT CHUYÊN HÙNG VƯƠNG
NĂM HỌC 2025 - 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GHI ĐIỂM THI MÔN ĐỊA LÍ

PHÒNG 20

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9		Nguyễn vọng 1		Nguyễn vọng 2		ĐIỂM	Ghi chú/Giải tỉnh
								HT	RL	HT	RL	HT	RL	HT	RL	Môn	Điểm TB	Môn	Điểm TB		
1	V D 0783	Hoàng Thị Phương Thúy	18/12/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Bùi Thị Xuân, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.0	Địa lí	9.6	4.250	
2	V D 0791	Trương Nguyễn Bảo Thy	15/06/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Bùi Thị Xuân, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.0	Địa lí	9.4	4.500	
3	D K 0793	Đinh Thân Thủy Tiên	26/07/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Viết Xuân, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Địa lí	9.5			4.000	
4	A D 0808	Đặng Công Tính	26/06/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.9	Địa lí	9.5	3.750	
5	A D 0814	Bùi Huyền Nhã Trâm	05/09/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.4	Địa lí	9.0	4.250	
6	C D 0817	Hồ Tú Trâm	07/11/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	K	T	T	T	T	T	T	T	Tin học	9.3	Địa lí	8.9	5.500	
7	A D 0818	Ngô Bảo Trâm	17/05/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Quang Trung, Kông Chro	K	T	T	T	T	T	K	T	Tiếng Anh	7.3	Địa lí	8.3	2.500	
8	V D 0821	Tô Huỳnh Bảo Trâm	12/04/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	K	T	T	T	K	T	T	T	Ngữ văn	8.1	Địa lí	8.3	1.750	
9	D K 0832	Nguyễn Ngọc Bảo Trân	12/06/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Chu Văn An, Chưprông	T	T	T	T	T	T	T	T	Địa lí	9.9			7.500	Nhất Địa lí
10	D K 0840	Lê Thị Thảo Trang	19/09/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Lý Tự Trọng, Pleiku	T	T	K	T	T	T	T	T	Địa lí	9.3			4.500	
11	D K 0843	Nguyễn Thị Thu Trang	26/01/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Bùi Thị Xuân, Pleiku	K	T	T	T	T	T	T	T	Địa lí	9.4			5.750	
12	A D 0846	Dương Đình Trí	06/01/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.6	Địa lí	9.6	5.000	
13	A D 0865	Lưu Ngọc Vy Tường	08/02/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.6	Địa lí	9.4	2.750	
14	D K 0869	Phan Thị Thanh Tuyền	26/06/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Lý Tự Trọng, Pleiku	T	T	K	T	T	T	T	T	Địa lí	9.2			3.750	
15	V D 0880	Lưu Nhã Uyên	06/09/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Võ Thị Sáu, Đăk Đoa	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.4	Địa lí	9.4	3.250	
16	V D 0888	Vũ Khả Uyên	11/05/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.0	Địa lí	9.2	4.000	
17	V D 0891	Mã Thị Thảo Vi	08/02/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	8.1	Địa lí	9.0	4.250	
18	A D 0898	Nguyễn Thành Vinh	03/06/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.1	Địa lí	8.8	3.500	
19	D K 0905	Biện Hoàng Tường Vy	22/04/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	K	T	K	T	Địa lí	7.8			3.250	
20	V D 0909	Lê Nguyễn Nhật Vy	16/08/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	8.4	Địa lí	8.7	3.500	
21	D K 0910	Lương Hạ Vy	08/07/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Quang Trung, KôngChro	K	T	K	T	K	T	T	T	Địa lí	8.9			5.000	Ba Địa lí
22	V D 0913	Nguyễn Thảo Vy	01/08/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	K	T	T	T	Ngữ văn	7.9	Địa lí	8.9	1.500	
23	D K 0923	Phạm Đỗ Gia Yên	10/11/2010	Nữ	Kinh	Phú Yên	Nguyễn Viết Xuân, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Địa lí	9.8			5.750	Ba Địa lí

(Danh sách này gồm 23 thí sinh đăng ký dự thi)

Người đọc điểm:

Người nhập điểm:

Người soát điểm thứ nhất:

Người soát điểm thứ hai:

Thị Nguyễn Thị Thanh Hùng
Thị Nguyễn Thị Vy
Thị Nguyễn Ngọc Lan
Thị Đinh Thị Cẩm Hoàn

Gia Lai, ngày 13 tháng 6 năm 2025

KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
PHÓ CHỦ TỊCH

(Chữ ký)

Phạm Thị Thi Giang

Gia Lai, ngày 13 tháng 6 năm 2025

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



(Chữ ký)
Nguyễn Văn Long